

ĐIỀU LỆ

QUỸ ETF VINACAPITAL VN100

DO CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL QUẢN LÝ

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
CÁC ĐỊNH NGHĨA	7
CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG	10
Điều 1. Tên Và Địa Chỉ Của Quỹ	10
Điều 2. Thời Hạn Hoạt Động	10
Điều 3. Nguyên Tắc Tổ Chức	10
Điều 4. Tổng Vốn Huy Động Và Số Lượng Chứng Chỉ Quỹ Chào Bán	10
Điều 5. Đại Diện Huy Động Vốn Và Chào Bán Chứng Chỉ Quỹ	11
Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ	12
Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát	12
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ	12
Điều 8. Mục Tiêu Đầu Tư	12
Điều 9. Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bỏ Tài Sản	12
Điều 10. Hạn Chế Đầu Tư	13
Điều 11. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư	15
CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.	15
Điều 12. Nhà Đầu Tư	15
Điều 13. Quyền và Nghĩa Vụ của Nhà Đầu Tư	15
Điều 14. Tiêu Chí, Điều Kiện Tham Gia Giao Dịch Hoán Đổi Đối Với Nhà Đầu Tư	16
Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư	16
Điều 16. Giao Dịch Hoán Đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu Lấy Chứng Chỉ Quỹ Và Ngược Lại (Giao Dịch Sơ Cấp)	17
Điều 17. Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán (Giao Dịch Thứ Cấp)	23
Điều 18. Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Phát Hành, Giá Mua Lại	23
Điều 19. Chuyển Nhượng Phi Thương Mại	24
CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	25
Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư	25
Điều 21. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Đại Hội Nhà Đầu Tư	25
Điều 22. Điều Kiện, Thử Thức Tiến Hành Họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Và Lấy Ý Kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư Bằng Văn Bản	26
Điều 23. Thông Qua Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư	28
CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	28
Điều 24. Ban Đại Diện Quỹ	28
Điều 25. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ	29
Điều 26. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Ban Đại Diện Quỹ	29
Điều 27. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ	30
Điều 28. Thủ Tục Điều Hành Của Ban Đại Diện Quỹ	30

Điều 29.	Miễn Nhiệm, Bãi Nhiệm Và Bổ Sung Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ	30
Điều 30.	Cuộc Họp Ban Đại Diện Quỹ Và Thông Qua Quyết Định Của Ban Đại Diện Quỹ	31
Điều 31.	Biên Bản Họp Ban Đại Diện Quỹ	32
CHƯƠNG 6.	CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	32
Điều 32.	Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Công Ty Quản Lý Quỹ	32
Điều 33.	Quyền Và Nghĩa Vụ Của Công Ty Quản Lý Quỹ	32
Điều 34.	Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Công Ty Quản Lý Quỹ	35
Điều 35.	Hạn Chế Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ	36
CHƯƠNG 7.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	37
Điều 36.	Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Ngân Hàng Giám Sát	37
Điều 37.	Quyền và Nghĩa Vụ Của Ngân Hàng Giám Sát	38
Điều 38.	Hoạt Động Giám Sát Của Ngân Hàng Giám Sát	39
Điều 39.	Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Ngân Hàng Giám Sát	41
CHƯƠNG 8.	CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	41
Điều 40.	Các Hoạt Động Được Ủy Quyền	41
Điều 41.	Tiêu Chí Lựa Chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan	42
Điều 42.	Trách Nhiệm Của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan	42
Điều 43.	Trách Nhiệm Của Công Ty Quản Lý Quỹ Đối Với Hoạt Động Đã Ủy Quyền	43
Điều 44.	Chấm Dứt Hoạt Động Ủy Quyền	43
CHƯƠNG 9.	THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG	44
Điều 45.	Điều Kiện Lựa Chọn Thành Viên Lập Quỹ	44
Điều 46.	Quyền Và Trách Nhiệm Của Thành Viên Lập Quỹ	44
Điều 47.	Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường	46
CHƯƠNG 10.	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	46
Điều 48.	Điều Kiện Lựa Chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ	47
Điều 49.	Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối	47
Điều 50.	Quy Định Chung Về Nghiệp Vụ Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ	48
CHƯƠNG 11.	KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	49
Điều 51.	Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Và Thay Đổi Công Ty Kiểm Toán	49
Điều 52.	Năm Tài Chính	49
Điều 53.	Chế Độ Kế Toán	49
Điều 54.	Báo Cáo Tài Chính	49
Điều 55.	Báo Cáo Khác	50
CHƯƠNG 12.	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	50
Điều 56.	Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ	50
Điều 57.	Phương Pháp Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ	51
Điều 58.	Quy Trình Định Giá Tài Sản Quỹ	51
Điều 59.	Nguyên Tắc, Tiêu Chí Lựa Chọn, Thay Đổi Tổ Chức Cung Cấp Báo Giá	52

CHƯƠNG 13.	LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	52
Điều 60.	Thu Nhập Của Quỹ	52
Điều 61.	Lợi Nhuận Của Quỹ	52
Điều 62.	Chi Phí Hoạt Động Của Quỹ	53
CHƯƠNG 14.	GIẢI THỂ QUỸ	55
Điều 63.	Các Điều Kiện Giải Thể Quỹ	55
CHƯƠNG 15.	GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH	58
Điều 64.	Kiểm Soát Xung Đột Lợi Ích	58
CHƯƠNG 16.	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	58
Điều 65.	Công Bố Thông Tin, Cung Cấp Thông Tin Cho Nhà Đầu Tư	58
Điều 66.	Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ	59
Điều 67.	Đăng Ký Điều Lệ	59
Điều 68.	Điều Khoản Thi Hành	59
	Các Phụ lục Đính Kèm	59
PHỤ LỤC SỐ 1:	CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	60
PHỤ LỤC SỐ 2:	CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	62
PHỤ LỤC SỐ 3:	CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT...	63
PHỤ LỤC SỐ 4:	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	64

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010;
2. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;
3. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 sửa đổi Nghị định số 58/2012/NĐ- CP hướng dẫn Luật Chứng Khoán và Luật Chứng Khoán sửa đổi;
4. Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
5. Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
6. Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2014;
7. Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ;
8. Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
9. Thông tư số 15/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016;
10. Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ hoán đổi danh mục;
11. Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
12. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;
13. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
14. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về hành nghề chứng khoán;
15. Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
16. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng

thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; và

17. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh quy định khác, các thuật ngữ được viết hoa trong Điều Lệ này sẽ có nghĩa như sau:

“Ban Đại Diện Quỹ”	là những người đại diện cho các Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ bầu ra để thay mặt các Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Bản Cáo Bạch”	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin một cách chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ và các thông tin liên quan đến việc chào bán và giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ.
“Công Ty Quản Lý Quỹ”	là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital được thành lập theo giấy chứng nhận thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), chi tiết như được quy định tại Điều 6 của Điều Lệ này, hoặc bất kỳ đơn vị nào kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty này.
“Chỉ Số Tham Chiếu”	là chỉ số VN100, một chỉ số thị trường bao gồm cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap do HOSE xây dựng và quản lý trong đó (i) VN30 là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare (là tất cả các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng đủ điều kiện tham gia vào bộ chỉ số của HOSE), gồm 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE và (ii) VNMidcap là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare, gồm 70 công ty có giá trị vốn hóa sau VN30 đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE. Chỉ Số Tham Chiếu đáp ứng quy định tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục.
“Chứng Chỉ Quỹ”	là chứng chỉ quỹ ETF, một loại chứng khoán do Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 đồng. Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên HOSE.
“Chứng Khoán Cơ Cấu”	là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu.
“Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu”	là danh mục bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu và được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là đại hội của các Nhà Đầu Tư được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề liên quan đến Quỹ thuộc thẩm quyết biểu quyết của các Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ này.
“Đại Lý Phân Phối”	là các Thành Viên Lập Quỹ hoặc các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán và đã có thỏa thuận và/hoặc ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch hoặc văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối hoặc Thành Viên Lập Quỹ được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu Tư.
“Điều Lệ”	là điều lệ này và các bản sửa đổi, bổ sung, tái ban hành hoặc thay thế vào từng thời điểm.

“Giá Dịch Vụ Mua Lại”	là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Giá Dịch Vụ Phát Hành”	là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi mua Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu ra công chúng hoặc khi thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
“Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ”	là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch này.
“Giá Mua Lại”	là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
“Giá Phát Hành”	là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy một Lô Chứng Chỉ Quỹ (bao gồm Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu ra công chúng). Giá Phát Hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
“Giá Trị Tài Sản Ròng” hay “NAV”	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày Định Giá.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu (iNAV) Trên Một Chứng Chỉ Quỹ”	là giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ được xác định trong phiên giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu (iNAV) Trên Một Chứng Chỉ Quỹ được tính và cung cấp bởi HOSE.
“Hợp Đồng Giám Sát”	là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến việc giám sát hoạt động của Quỹ.
“HOSE”	là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
“Hoán Đổi Danh Mục”	là việc đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại. Giao dịch Hoán Đổi Danh Mục được thực hiện giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Bản Cáo Bạch và Điều Lệ này.
“Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi”	bao gồm lệnh mua, trong đó Thành Viên Lập Quỹ và/hoặc Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và phát hành các Lô Chứng Chỉ Quỹ, và lệnh bán, trong đó Thành Viên Lập Quỹ và/hoặc Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Lô Chứng Chỉ Quỹ”	là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư. Một Lô Chứng Chỉ Quỹ bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ hoặc một số lượng Chứng Chỉ Quỹ khác được Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh tùy từng thời điểm nhưng vẫn phải đảm bảo một Lô Chứng Chỉ Quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ.
“Ngân Hàng Giám Sát”	là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ. Thông tin chi tiết về Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều 7 của Điều Lệ này.
“Ngày Định Giá”	là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ

	theo quy định của Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch.
“Ngày Giao Dịch Hoán Đổi”	là Ngày Định Giá mà vào ngày đó Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ thực hiện phát hành hoặc mua lại các Lô Chứng Chỉ Quỹ từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế Hoán Đổi Danh Mục.
“Ngày Làm Việc”	là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ mà vào ngày đó các sàn giao dịch chứng khoán và các ngân hàng tại Việt Nam mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường.
“Người Có Liên Quan”	được hiểu và giải thích theo quy định tại Điều 6.34 của Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010, hoặc quy định khác thay thế quy định tại Điều 6.34 này.
“Nhà Đầu Tư”	là nhà đầu tư đăng ký mua Chứng Chỉ Quỹ hoặc được ghi nhận là chủ sở hữu của một hoặc một số Chứng Chỉ Quỹ trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.
“Pháp Luật”	là pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Quỹ”	là Quỹ ETF VinaCapital VN100, một quỹ hoán đổi danh mục theo loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ.
“Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư”	là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về Nhà Đầu Tư và tình trạng sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc VSD lập và quản lý.
“Sự Kiện Bất Khả Kháng”	là một sự kiện ngoài tầm kiểm soát của một người mà làm cho người đó không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch hoặc Pháp Luật liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) thiên tai (như là, nhưng không giới hạn, cháy, nổ, động đất, hạn hán, sóng thần và lũ lụt); (b) chiến tranh, hành vi thù địch (cho dù có tuyên bố chiến tranh hay không), xâm lược, hành động của các thế lực thù địch nước ngoài, động viên, lệnh hoặc cấm vận; (c) nổi loạn, cách mạng, khởi nghĩa, thế lực quân đội hoặc lật đổ hoặc nội chiến; (d) nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nguồn nhiên liệu hạt nhân nào hoặc từ chất thải hạt nhân do cháy nhiên liệu hạt nhân, vụ nổ chất phóng xạ hoặc các chất nguy hiểm khác từ vụ nổ các hợp chất hạt nhân hoặc các thành phần hạt nhân của những hợp chất đó; (e) bạo động, đình công, lãn công, đóng cửa nhà máy hoặc nổi loạn; (f) hành động hoặc đe dọa khủng bố; hoặc (g) đạo luật, lệnh, quyết định hoặc cưỡng chế của cơ quan nhà nước; bất kỳ sự thay đổi, điều chỉnh hoặc sửa đổi nào của Pháp Luật; hoặc khủng hoảng tài chính mà có ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường tài chính của Việt Nam.
“Thành Viên Lập Quỹ”	là công ty chứng khoán có đăng ký hoạt động môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và đã ký hợp đồng thành viên lập quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.

“Thời Điểm Đóng Sở Lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi để thực hiện vào Ngày Giao Dịch Hoán Đổi tương ứng. Thời Điểm Đóng Sở Lệnh được quy định tại Điều Lệ, công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi của HOSE.
“Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường”	là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường.
“VSD”	là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
“UBCKNN”	là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
“Việt Nam”	là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Vốn Điều Lệ”	là giá trị tài sản ròng của Quỹ xác định tại thời điểm kết thúc đợt chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ này.
“VND” hay “Đồng Việt Nam”	là đồng tiền đang lưu hành hợp pháp của Việt Nam.

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Và Địa Chỉ Của Quỹ

Tên tiếng Việt:	QUỸ ETF VINACAPITAL VN100	
Tên tiếng Anh:	VINACAPITAL VN100 ETF	
Tên viết tắt:	VINACAPITAL VN100 ETF	
Địa chỉ liên hệ:	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital Lầu 17, Tòa Nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Điện thoại:	(84 – 28) 3821 9930	Fax: (84- 28) 3821 9931
Website:	wm.vinacapital.com	

Điều 2. Thời Hạn Hoạt Động

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên Tắc Tổ Chức

- 3.1 Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục, một loại hình quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ và được niêm yết, giao dịch trên HOSE.
- 3.2 Trong thời hạn hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại. Giao dịch Hoán Đổi Danh Mục được thực hiện giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đáp ứng các quy định của Pháp Luật hiện hành và các điều kiện quy định tại Bản Cáo Bạch và Điều Lệ này.
- 3.3 Tài sản của Quỹ được lưu ký và giám sát bởi Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 4. Tổng Vốn Huy Động Và Số Lượng Chứng Chỉ Quỹ Chào Bán

- 4.1 Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Vốn Điều Lệ được chia thành các Chứng Chỉ Quỹ. Mệnh giá của một Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 VNĐ (mười ngàn Đồng Việt Nam).
- 4.2 Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi Nhà Đầu Tư đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ, mỗi Thành Viên Lập Quỹ đăng ký mua tối thiểu mười (10) Lô Chứng Chỉ Quỹ.
- 4.3 Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tham gia góp vốn thành lập quỹ bằng việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ do Quỹ phát hành. Danh mục chứng khoán cơ cấu và số lượng các lô chứng chỉ quỹ ETF phân phối cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được xác định trên cơ sở chỉ số tham chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.
- 4.4 Ngoài việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có thể tham gia góp vốn thành lập Quỹ bổ sung bằng tiền trong các trường hợp sau đây:
- (a) Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và giá trị tài sản ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
 - (b) Mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc mã chứng khoán đó thuộc trường hợp phải chào mua công khai hoặc là cổ phiếu quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật.
 - (c) Chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện góp vốn.
- Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền theo quy trình quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- 4.5 Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Chứng Chỉ Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Chứng Chỉ Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo với UBCKNN.
- 4.6 Trình tự, thủ tục, điều kiện đăng ký và góp vốn thành lập quỹ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- 4.7 Toàn bộ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được phong tỏa tại VSD. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu này sẽ được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
- 4.8 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng Chỉ Quỹ tại HOSE.

Điều 5. Đại Diện Huy Động Vốn Và Chào Bán Chứng Chỉ Quỹ

Quỹ chỉ định Công Ty Quản Lý Quỹ làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng Chỉ Quỹ.

Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo pháp luật của Quỹ chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital
Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ: Lầu 17, Tòa Nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930 Fax: (84 - 28) 3821 9931

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 106/QĐ-UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp
Địa chỉ: 66 Phố Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84 – 28) 38218812 Fax: (84 – 28) 39144714

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục Tiêu Đầu Tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

Điều 9. Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bỏ Tài Sản

- 9.1 Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản quy định tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư 229/2012/TT-BTC như được quy định cụ thể tại Điều 11.2 và 11.3 của Điều Lệ này.
- 9.2 Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ. Các tài sản này bao gồm các tài sản được liệt kê tại Điều 9.6 của Điều Lệ này.
- 9.3 Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và quy định của Pháp Luật.
- 9.4 Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ phải phù hợp với danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định của Điều 11.3 và 11.4 của Điều Lệ này và bảo đảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu liên tục trong ba (03) tháng

gần nhất không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và quy định của Pháp Luật, trong đó mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu được xác định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 và các quy định liên quan của HOSE (có thể được thay đổi và điều chỉnh tùy từng thời điểm).

- 9.5 Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu) và giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và các quy định của pháp luật.
- 9.6 Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:
- (a) Tài sản có thu nhập cố định:
 - (i) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp Luật về ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
 - (iii) Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và tín phiếu Kho bạc nhà nước; và
 - (iv) Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật.
 - (b) Cổ phiếu:
 - (i) Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch.
 - (c) Công cụ phái sinh:

Quỹ có thể đầu tư vào chứng khoán phái sinh được niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam. Tuy nhiên, việc đầu tư này chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu.
 - (d) Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ.

Điều 10. Hạn Chế Đầu Tư

- 10.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:
- (a) Không được đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính Phủ;
 - (b) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính Phủ;
 - (c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là

Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu;

- (d) Không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- (e) Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- (f) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu; và
- (g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng/giao dịch chứng khoán phải sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.

10.2 Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ quy định tại các Điều 10.1(a), (b) và (c) ở trên được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại Điều 10.1 nếu sự sai lệch đó xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- (a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- (c) Do thực hiện các hoạt động Hoán Đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu;
- (d) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thu tóm, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;
- (e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu thay đổi; hoặc
- (f) Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của Quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá chín mươi (90) ngày.

10.3 Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều 10.1 trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d) và (e) của Điều 10.2.

10.4 Trường hợp do lỗi của Công Ty Quản Lý Quỹ dẫn đến danh mục đầu tư của Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc của Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch phát sinh. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và bồi thường cho Quỹ các tổn thất (nếu phát sinh). Tuy nhiên, nếu phát sinh lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

10.5 Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi và công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại các Điều 9.6 ((a)(i) và (ii) của Điều Lệ này được phát hành bởi các ngân hàng thương mại trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

10.6 Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn

hạn của Quỹ, không được quá năm phần trăm (5%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn của một khoản vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

Điều 11. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

- 11.1 Các Chứng Khoán Cơ Cấu cấu thành Chỉ Số Tham Chiếu.
- 11.2 Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu).
- 11.3 Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu.

CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỞ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 12. Nhà Đầu Tư

- 12.1 Nhà Đầu Tư có thể là các cá nhân hoặc tổ chức trong nước và nước ngoài sở hữu ít nhất 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ.
- 12.2 Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế hoặc xã hội được Pháp Luật công nhận hoặc được thành lập một cách hợp pháp theo pháp luật nước ngoài và được phép đầu tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư là tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho Nhà Đầu Tư đối với số Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đang sở hữu. Bất kỳ sự bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế nào đối với người đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư.
- 12.3 Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và Người Có Liên Quan của thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ và trở thành Nhà Đầu Tư.
- 12.4 Công Ty Quản Lý Quỹ có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối đề nghị đăng ký góp vốn thành lập quỹ của Nhà Đầu Tư và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho Nhà Đầu Tư.
- 12.5 Nhà Đầu Tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.

Điều 13. Quyền và Nghĩa Vụ của Nhà Đầu Tư

- 13.1 Nhà Đầu Tư có các quyền sau đây:
 - (a) nhận thanh toán và được hưởng các khoản phân chia (nếu có) do Quỹ thực hiện vào từng thời điểm tương ứng với số Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu;
 - (b) được hưởng các lợi ích và phân chia tài sản hợp pháp tương ứng với số Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu nếu Quỹ bị thanh lý;
 - (c) yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại, theo các quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;

- (d) thực hiện các quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- (e) được chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo các quy định hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- (f) nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; và
- (g) các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

13.2 Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:

- (a) với tư cách là Nhà Đầu Tư, gánh chịu các tổn thất hoặc nợ của Quỹ (nếu có), được giới hạn trong và không vượt quá số Chứng Chỉ Quỹ mà họ nắm giữ đồng thời thanh toán đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, và/hoặc tiền mua Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký trong thời gian quy định;
- (b) tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- (c) chấp nhận rằng các thông tin của Nhà Đầu Tư có thể được tiết lộ cho cơ quan nhà nước Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Pháp Luật hoặc pháp luật nước ngoài; và
- (d) các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này.

Điều 14. Tiêu Chí, Điều Kiện Tham Gia Giao Dịch Hoán Đổi Đối Với Nhà Đầu Tư

- 14.1 Nhà Đầu Tư sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ, ngoại trừ trường hợp Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ bằng tiền và/hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối thực hiện mua Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư.
- 14.2 Nhà Đầu Tư sở hữu tối thiểu một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu.
- 14.3 Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện giao dịch Hoán Đổi Danh Mục thông qua Thành Viên Lập Quỹ nơi Nhà Đầu Tư đã mở tài khoản giao dịch chứng khoán và ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư

- 15.1 Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho Đại Lý Chuyển Nhượng lập Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư để xác nhận quyền sở hữu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đối với số Lô Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký mua.
- 15.2 Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sẽ bao gồm các thông tin sau:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ.
 - (b) Tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ đã bán, cơ cấu và chi tiết danh mục, giá trị vốn huy động

được;

(c) Danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và các thông tin sau:

- (i) Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: họ và tên của Nhà Đầu Tư, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có); và
- (ii) Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền đại diện số Chứng Chỉ Quỹ thuộc sở hữu của tổ chức đó.

(d) Số tài khoản lưu ký chứng khoán của từng Nhà Đầu Tư;

(e) Số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đã đăng ký mua, tỷ lệ sở hữu;

(f) Ngày lập Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.

15.3 Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải có đầy đủ thông tin về từng Nhà Đầu Tư theo quy định của Pháp Luật. Thông tin về phần sở hữu của Nhà Đầu Tư trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng Chỉ Quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.

15.4 Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thực hiện đăng ký, lưu ký các Lô Chứng Chỉ Quỹ cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tại VSD. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các Lô Chứng Chỉ Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của VSD.

15.5 Số lượng các Lô Chứng Chỉ Quỹ được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được VSD tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của VSD theo hướng dẫn của VSD.

Điều 16. Giao Dịch Hoán Đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu Lấy Chứng Chỉ Quỹ Và Ngược Lại (Giao Dịch Sơ Cấp)

16.1 Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện công bố thông báo chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu. Việc chào bán, phân phối các Lô Chứng Chỉ Quỹ lần đầu được thực hiện theo quy định tại Bản Cáo Bạch.

16.2 Tần suất giao dịch của Quỹ:

- (a) Nhà Đầu Tư có thể thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ vào Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Ngày Giao Dịch Hoán Đổi được thực hiện hàng ngày vào Ngày Làm Việc. Trong trường hợp Ngày Giao Dịch Hoán Đổi không phải là Ngày Làm Việc, thì Ngày Giao Dịch Hoán Đổi sẽ là Ngày Làm Việc kế tiếp.
- (b) Việc thay đổi Ngày Giao Dịch Hoán Đổi sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và HOSE. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày Giao Dịch Hoán Đổi khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật, đảm bảo tần suất giao dịch hoán đổi thực hiện tối thiểu không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

16.3 Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh là 14h40 Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Đây là thời điểm cuối cùng mà Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nhận phiếu đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư.

16.4 Việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ áp dụng cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện theo nguyên tắc sau:

- (a) Áp dụng cho Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện đã được quy định rõ tại Điều 14 của Điều Lệ này và cho các Thành Viên Lập Quỹ đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 45 của Điều Lệ này và tại Bản Cáo Bạch hoặc theo thông báo cập nhật từ Công Ty Quản Lý Quỹ;
- (b) Đơn vị giao dịch hoán đổi tối thiểu là một Lô Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng Chỉ Quỹ trong một Lô Chứng Chỉ Quỹ, tuy nhiên phải bảo đảm một Lô Chứng Chỉ Quỹ có không ít hơn 100.000 Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng Lô Chứng Chỉ Quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô Chứng Chỉ Quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của HOSE, VSD, Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ và các Đại Lý Phân Phối;
- (c) Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi:
 - (i) Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện giao dịch hoán đổi: Là các chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ và thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ.
 - (ii) Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.
 - (iii) Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:
 - (AA) Đối với Thành Viên Lập Quỹ:
 - Các Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày giao dịch hoán đổi và chứng khoán chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T);
 - Các Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSD với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành Viên Lập Quỹ.
 - (BB) Đối với Nhà Đầu Tư: Các Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ đang có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.
- (d) Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư sẽ được chuyển đến Thành Viên Lập Quỹ (trường hợp Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi thông qua các Đại Lý Phân Phối thì Đại Lý Phân Phối sẽ chuyển Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư cho Thành Viên Lập Quỹ) và phải được tổ chức trực tiếp nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi là Thành

Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của chính Thành Viên Lập Quỹ sẽ được Thành Viên Lập Quỹ lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax thì phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:

- (i) Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;
 - (ii) Nhà Đầu Tư phải cung cấp cho Thành Viên Lập Quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc là ba (03) Ngày Làm Việc kể từ Thời Điểm Đóng Sở Lệnh.
- (e) Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:
- (i) Được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới VSD trước Thời Điểm Đóng Sở Lệnh. Các lệnh tới sau Thời Điểm Đóng Sở Lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình thực hiện được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
 - (ii) Được Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi VSD bảo đảm Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có đầy đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoặc số Lô Chứng Chỉ Quỹ để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán, ngoại trừ trường hợp phải thanh toán bổ sung bằng tiền quy định tại Điều 16.6 của Điều Lệ này và quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Trường hợp bán Chứng Chỉ Quỹ, số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại của Thành Viên Lập Quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tư cách là thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- (f) Hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và Quỹ tại VSD. Việc chuyển khoản Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Chứng Chỉ Quỹ trong hoạt động thanh toán thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch và phù hợp với hướng dẫn của VSD.

16.5 Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

- (a) Trước giờ giao dịch tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối, VSD và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và HOSE, VSD thông tin về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy một Lô Chứng Chỉ Quỹ và chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi và giá trị tài sản ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ và phương án xử lý, các trường hợp được thanh toán thay thế bằng tiền (nếu có). Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu này được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi và bao gồm các thông tin về mã Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục.
- (b) Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Thành Viên Lập Quỹ trực tiếp hoặc thông qua Đại Lý Phân Phối theo quy định tại Điều Lệ này và quy trình được hướng dẫn chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối không thể tiếp nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi từ Nhà Đầu Tư do Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc do nguyên nhân gây ra bởi sự kiện Bất Khả Kháng thì Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được chuyển thẳng tới Công Ty Quản Lý Quỹ

hoặc Ngân Hàng Giám Sát. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát sau đó chuyển lệnh tới VSD trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của VSD.

- (c) Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư và của Thành Viên Lập Quỹ được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới VSD trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của VSD.
- (d) Trong thời hạn tối đa một Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T+1), nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải thông báo cho VSD và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSD. Quá thời hạn nêu trên, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối tự chịu trách nhiệm đối với Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.
- (e) Sau khi tiếp nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, VSD có trách nhiệm kiểm tra khả năng thực hiện được lệnh của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bảo đảm đáp ứng các quy định tại Điều 16.4(e), xác nhận và thực hiện Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo các quy định tại khoản này, quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch và quy trình của VSD.
- (f) Trong thời hạn tối đa một Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (ngày T+1), VSD sẽ hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư vào tài khoản của Quỹ, đồng thời đăng ký và lưu ký số lượng Chứng Chỉ Quỹ tương ứng vào tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và ngược lại. Việc tiếp nhận và hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền phát sinh từ giao dịch hoán đổi được quy định tại Điều 16.7 của Điều Lệ này và quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và VSD xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

16.6 Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, ngoại trừ các trường hợp sau:

- (a) Khi hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Phần chênh lệch phát sinh được Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- (b) Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thanh toán bằng tiền cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- (c) Trường hợp Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu có các mã chứng khoán mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của Pháp Luật có liên quan. Khi đó, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- (d) Trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch

hoán đổi, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sẽ thực hiện thanh toán bằng tiền cho Quỹ theo quy trình được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

- 16.7 Nhà Đầu Tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng các tài sản khác cho Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối để Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối thực hiện mua đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư trước khi đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi lấy Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Cơ chế thanh toán, tỷ lệ ký quỹ, việc bổ sung ký quỹ của Nhà Đầu Tư đối với Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối trong thời gian các tổ chức này thực hiện việc mua Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi thực hiện theo quy định của Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối phù hợp với quy chế giao dịch của VSD và HOSE.
- 16.8 Trường hợp Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư mà xảy ra các trường hợp sau:
- (a) Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu của Nhà Đầu Tư vượt quá tỷ lệ tối đa được phép sở hữu của Nhà Đầu Tư theo quy định của Pháp Luật tính tại 16h00 vào Ngày Giao Dịch Hoán Đổi; hoặc
 - (b) Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư vượt quá 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành bao gồm cả cổ phiếu hiện có trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư chưa thực hiện chào mua công khai theo quy định của Pháp Luật liên quan; hoặc
 - (c) Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành (cổ phiếu quỹ) mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của Pháp Luật liên quan;

thì VSD có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ và Nhà Đầu Tư thực hiện như sau:

- (i) Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài: Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư này.
- (ii) Đối với các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thuộc trường hợp (b) và (c) ở trên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Nhà Đầu Tư đó và thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư này.

Việc thanh toán tiền cho các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của Pháp Luật liên quan.

- 16.9 Trường hợp các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của Pháp Luật hoặc quy định tại điều lệ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của Pháp Luật, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của Pháp Luật.

- 16.10 Trong thời gian Công Ty Quản Lý Quỹ chưa thực hiện bán thành công các Chứng Khoán Cơ

Cầu vượt quá tỷ lệ sở hữu nêu trên mà phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức hoặc quyền mua của các Chứng Khoán Cơ Cấu này thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện như sau:

- (a) Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này.
- (b) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán cổ phiếu thành công.
- (c) Đối với quyền mua thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ.

Các khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền mua nêu trên sẽ được thực hiện sau ba Ngày Làm Việc kể từ ngày Quỹ nhận tiền hoặc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.

Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- (i) Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO): Lệnh đặt trước sẽ được phân bổ hoàn lại tiền trước.
- (ii) Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- (iii) Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sẽ được thực hiện trước lệnh bán cho Quỹ để hoàn tiền lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

Khoản thanh toán cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan. Ngay khi phát sinh số lượng chứng khoán cần bán hộ, thì số chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng. Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện việc thanh toán cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo kết quả tính toán và phân bổ của Công Ty Quản Lý Quỹ.

16.11 Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:

- (a) HOSE thay đổi cơ cấu danh mục Chỉ Số Tham Chiếu;
- (b) Tổ chức phát hành chứng khoán chiếm tỷ trọng 0,1% trong danh mục đầu tư của Quỹ bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán chiếm tỷ trọng 0,1% trong danh mục đầu tư của Quỹ bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết;
- (c) Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi do HOSE quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (d) Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
- (e) Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, VSD không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do xảy ra sự kiện Bất Khả Kháng;
- (f) HOSE ngừng cung cấp, công bố Chỉ Số Tham Chiếu mà chưa có chỉ số tham chiếu thay thế;

- (g) Công Ty Quản Lý Quỹ đang trong giai đoạn chuyển đổi Chỉ Số Tham Chiếu sang một chỉ số tham chiếu khác theo chấp thuận của UBCKNN;
 - (h) Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ.
- 16.12 Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 16.11 ở trên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo với UBCKNN đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của HOSE. Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối sẽ phải nói lại việc tiếp nhận và thực hiện hoán đổi danh mục cho Nhà Đầu Tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- 16.13 Thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi gần nhất. Trường hợp tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ do nguyên nhân quy định tại điểm (a), (b) và (c) của Điều 16.11 của Điều Lệ này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi tối đa là ba Ngày Làm Việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.
- 16.14 Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường hoặc lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng văn bản về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 17. Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán (Giao Dịch Thứ Cấp)

Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết trên HOSE. Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ đã niêm yết trên HOSE theo quy chế giao dịch chứng khoán của HOSE, và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- 17.1 Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đặt lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của HOSE và VSD.
- 17.2 Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE nơi Chứng Chỉ Quỹ niêm yết.
- 17.3 Chứng Chỉ Quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 17.4 Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ (bán Chứng Khoán Cơ Cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSD. Số Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) này bao gồm:
- (a) số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch;
 - (b) số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu (số Chứng Chỉ Quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường; hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSD đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 18. Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Phát Hành, Giá Mua Lại

- 18.1 Giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch phát hành, mua lại, chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ do Nhà Đầu Tư trực tiếp chi trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. Phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thay đổi biểu giá dịch vụ này nhưng phải công bố công khai trong Bản Cáo Bạch.

- 18.2 Giá Dịch Vụ Phát Hành được áp dụng khi Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc khi thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá Dịch Vụ Phát Hành được tính trên tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch. Giá Dịch Vụ Phát Hành do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá không phẩy năm phần trăm (0,5%) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ) và một phần trăm (1%) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà Đầu Tư) và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch.
- 18.3 Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng khi Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá Dịch Vụ Mua Lại được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền thay đổi cơ cấu Giá Dịch Vụ Mua Lại để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá bán khác hoặc phí chống pha loãng. Tuy nhiên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo Giá Dịch Vụ Mua Lại không được vượt quá không phẩy năm phần trăm (0,5%) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ) và một phần trăm (1%) giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà Đầu Tư).
- 18.4 Việc điều chỉnh Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các Thành Viên Lập Quỹ.
- 18.5 Việc tăng các mức Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Mọi thay đổi về giá dịch vụ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chỉ được áp dụng sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, Điều Lệ của Quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức giá dịch vụ mới, thời điểm áp dụng và Công Ty Quản Lý Quỹ công bố các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 18.6 Giá Phát Hành là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy một Lô Chứng Chỉ Quỹ (bao gồm Chứng Chỉ Quỹ phát hành lần đầu ra công chúng). Giá Phát Hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
- 18.7 Giá Mua Lại là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

Điều 19. Chuyển Nhượng Phi Thương Mại

- 19.1 Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại như tặng cho, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của HOSE được quy định tại quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do HOSE ban hành.
- 19.2 Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của Pháp Luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- 19.3 Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp của Nhà Đầu Tư trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã (i) cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp theo quy định của Pháp Luật chứng minh người đó là người thừa kế hợp pháp của Nhà Đầu Tư và (ii) xác nhận và cam kết rằng các thông tin cung cấp cho Công Ty Quản Lý

Quỹ là trung thực, chính xác và việc thừa kế đó không có bất kỳ tranh chấp nào.

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 20.1 Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả những Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.
- 20.2 Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ khi:
- (a) việc tổ chức họp thường niên dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận; và
 - (b) nội dung thảo luận và xin ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư không liên quan đến các vấn đề sau: (i) thay đổi cơ bản chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ; (ii) tăng mức phí trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; (iii) thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; hoặc (iv) sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hoặc giải thể Quỹ.
- 20.3 Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường có thể được triệu tập trong những trường hợp sau:
- (a) Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; hoặc
 - (b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội.
- 20.4 Việc tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại Điều 20.3 phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư về việc triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 21. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Đại Hội Nhà Đầu Tư

Đại Hội Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 21.1 Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát (trừ trường hợp sửa đổi bổ sung các nội dung do có sự thay đổi quy định pháp luật hoặc do lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm) và phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ;
- 21.2 Phê duyệt các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức phí trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;
- 21.3 Quyết định việc sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;

- 21.4 Quyết định việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ hoặc chia tách Quỹ;
- 21.5 Quyết định việc giải thể Quỹ;
- 21.6 Quyết định tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ được phép chào bán, phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ;
- 21.7 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ Tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
- 21.8 Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ; và
- 21.9 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều Lệ này và theo quy định của Pháp Luật.

Điều 22. Điều Kiện, Thể Thức Tiến Hành Hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư Và Lấy Ý Kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư Bằng Văn Bản

- 22.1 Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài các vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội.
- 22.2 Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc thư điện tử (e-mail) hoặc theo hình thức phù hợp được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho Nhà Đầu Tư tùy từng thời điểm.
- 22.3 Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành.
- 22.4 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 22.3, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự cuộc họp.
- 22.5 Thể thức, hình thức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư:
 - (a) Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc thư điện tử (e-mail). Trường hợp cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
 - (b) Đại Hội Nhà Đầu Tư do Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ chủ trì. Trường hợp Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt thì Phó Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc các thành viên còn lại chỉ định một thành viên Ban Đại Diện Quỹ đứng ra chủ trì.
 - (c) Tất cả các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 22.6 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản:

- (a) Công Ty Quản Lý Quỹ phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký nhận thông tin của từng Nhà Đầu Tư, gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư.
- (b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà Đầu Tư và đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức;
 - (iv) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu Tư;
 - (v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (vi) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vii) Thời hạn phải gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (viii) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ; và
 - (ix) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư là tổ chức.
- (c) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà Đầu Tư), bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về bị xem là phiếu không tham gia biểu quyết.
- (d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ;
 - (ii) Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (iv) Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết;
 - (v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; và

- (vi) Các quyết định đã được thông qua.
- (e) Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác.
- (f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- (g) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 23. Thông Qua Quyết Định Của Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 23.1 Mỗi Chứng Chi Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.
- 23.2 Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức biểu quyết khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.
- 23.3 Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư tại cuộc họp được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng Chi Quỹ của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua, trừ trường hợp quy định tại Điều 23.4 dưới đây.
- 23.4 Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư tại cuộc họp về các vấn đề quy định tại các Điều 21.2 và Điều 21.3 chỉ được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số Chứng Chi Quỹ của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua.
- 23.5 Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng Chi Quỹ của những Nhà Đầu Tư biểu quyết tán thành, không phụ thuộc vào vấn đề lấy ý kiến.
- 23.6 Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư là phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật. Trong trường hợp quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư là không phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này thì phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.
- 23.7 Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc sau ngày kết thúc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản) và nghị quyết đại hội và gửi cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 24. Ban Đại Diện Quỹ

- 24.1 Ban Đại Diện Quỹ đại diện cho Nhà Đầu Tư được bầu tại các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) thành viên

đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ là ba (03) năm, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ. Ban Đại Diện Quỹ nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Đại Diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc.

- 24.2 Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có thành viên có trình độ, chuyên môn về pháp luật và thành viên độc lập có trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.
- 24.3 Trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 25.1 hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm hoặc cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ không đáp ứng quy định tại Điều 24.2, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Điều 25.1 để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho tới khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế. Khi có thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 25. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ

25.1 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:

- (a) có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- (b) không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp Luật; và
- (c) có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực nêu trên.

25.2 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.

25.3 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chức với điều kiện đơn từ chức phải được gửi cho Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ trước ít nhất sáu mươi (60) ngày.

Điều 26. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Ban Đại Diện Quỹ

26.1 Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư;
- (b) Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng;
- (c) Phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ thị trường tiền tệ mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và Pháp Luật;
- (d) Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối; phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của

Điều Lệ này và Pháp Luật;

- (e) Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại các Điều từ 21.2 đến 21.8 của Điều Lệ này;
 - (f) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát Quỹ; và
 - (g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.
- 26.2 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại các Điều từ 21.2 đến 21.5 bên trên, Ban Đại Diện Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, phải gửi UBCKNN và Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu Tư theo phương thức quy định tại Điều Lệ này.
- 26.3 Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại Diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của Điều Lệ này, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và quy định của Pháp Luật. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 27. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ

- 27.1 Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
- 27.2 Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;
 - (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ; và
 - (d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ này và của Pháp Luật.

Điều 28. Thủ Tục Điều Hành Của Ban Đại Diện Quỹ

Trường hợp Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 29. Miễn Nhiệm, Bãi Nhiệm Và Bổ Sung Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ

- 29.1 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
- (a) Bị khởi tố hoặc truy tố;

- (b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- (c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định của Pháp Luật hoặc quyết định của UBCKNN hoặc của cơ quan có thẩm quyền khác;
- (d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ; hoặc
- (e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

29.2 Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:

- (a) Bị cách chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ khi có quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- (b) Tiết lộ các bí mật của Quỹ mà việc tiết lộ này ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Quỹ;
- (c) Không tham gia các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng;
- (d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình mà có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ; hoặc
- (e) Không còn đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều Lệ này.

29.3 Thủ tục đình chỉ hoặc miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong kỳ theo quy định tại điểm (b), (c), (d) và (e) Điều 29.2 như sau:

- (a) Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc thành viên Ban Đại Diện Quỹ được chỉ định (trường hợp Chủ Tịch là người vi phạm) triệu tập cuộc họp thành viên Ban Đại Diện Quỹ về những vi phạm của thành viên Ban Đại Diện Quỹ có liên quan; và
- (b) Ban Đại Diện Quỹ thông qua nội dung miễn nhiệm thành viên vi phạm và công bố thông tin theo quy định.

Điều 30. Cuộc Họp Ban Đại Diện Quỹ Và Thông Qua Quyết Định Của Ban Đại Diện Quỹ

- 30.1 Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
- 30.2 Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên.
- 30.3 Cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ có thể được tổ chức họp trực tiếp, lấy ý kiến thành viên Ban Đại Diện Quỹ bằng văn bản, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức khác theo quy định tại Điều Lệ này và của Pháp Luật. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
- 30.4 Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ được quyền quyết định lấy ý kiến thành viên Ban Đại Diện Quỹ bằng văn bản để thông qua quyết định của Ban Đại Diện Quỹ mà không cần thiết phải tổ chức cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.
- 30.5 Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua tại cuộc họp trực tiếp hay bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường

hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ.

Điều 31. Biên Bản Hợp Ban Đại Diện Quỹ

Các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ phải được lập thành biên bản đầy đủ, chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban Đại Diện Quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều Lệ của Quỹ. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ.

CHƯƠNG 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 32. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 32.1 Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ theo quy định của Pháp Luật;
- 32.2 Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
- 32.3 Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ hoán đổi danh mục; và
- 32.4 Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 33. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Công Ty Quản Lý Quỹ

33.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- (a) Tuân thủ Điều Lệ của Quỹ và quy định của Pháp Luật; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;
- (b) Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;
- (c) Quản lý Quỹ theo chiến lược đầu tư và mục tiêu đầu tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và theo quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật;
- (d) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - (i) Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân Hàng Giám Sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát;
 - (ii) Trường hợp đầu tư tiền gửi của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng thương mại trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay và các tài liệu liên quan tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng thương mại nhận tiền gửi của Quỹ;
 - (iii) Tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của

khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;

- (iv) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công Ty Quản Lý Quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, VSD, tổ chức quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư/cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;
 - (v) Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật; và
 - (vi) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.
- (e) Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- (i) Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;
 - (ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư; và
 - (iii) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ cho bên thứ ba. Trong việc ủy quyền hoạt động này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ quy định của Pháp Luật về thành lập và tổ chức hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ và các quy định tại Điều Lệ của Quỹ;
- (f) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Tối thiểu một (01) tháng một (01) lần, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát;
- (g) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật hoặc quy định của Điều Lệ này thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán vào tài sản của Quỹ;
- (h) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình

nghiep vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của Điều Lệ này;

- (i) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình của Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp;
- (j) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện và yêu cầu các Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của Pháp Luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán;
- (k) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu của các cơ quan này;
- (l) Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:
 - (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (ii) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ; và
- (m) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.

33.2 Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền và quyền hạn sau:

- (a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều Lệ này;
- (b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền và trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư;
- (c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Pháp Luật hoặc cho Nhà Đầu Tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- (d) Có quyền nhận giá dịch vụ quản lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này Bản Cáo Bạch và Pháp Luật hiện hành;

- (e) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư như được quy định tại Điều Lệ này và theo đó thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;
- (f) Tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ, bao gồm tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của các cơ quan này, theo quy định của Điều Lệ này;
- (g) Được quyền yêu cầu Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối, Nhà Đầu Tư cung cấp toàn bộ và đầy đủ các thông tin mà Công Ty Quản Lý Quỹ cho là cần thiết để xác định nguồn thu nhập, nhân thân của Nhà Đầu Tư đó nhằm mục đích tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo Pháp Luật hiện hành;
- (h) Ký hợp đồng thành viên lập quỹ với Thành Viên Lập Quỹ, hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với các Đại Lý Phân Phối, hợp đồng với Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường (nếu cần thiết);
- (i) Phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung trong Bản Cáo Bạch (ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư và/hoặc Ban Đại Diện Quỹ);
- (j) Quyết định mức giá dịch vụ phát hành, mua lại và chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ dựa trên khung giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ và Bản Cáo Bạch;
- (k) Đảm bảo tần suất và thời gian giao dịch Chứng Chỉ Quỹ như quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch;
- (l) Yêu cầu thanh lý Quỹ nếu Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ thấp hơn mức tối thiểu quy định tại Điều Lệ này hoặc quy định liên quan của Pháp Luật;
- (m) Có thể sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài. Tuy nhiên, việc đầu tư này phải tuân thủ quy định của Pháp Luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định liên quan. Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải được Ban Đại Diện Quỹ hoặc Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận bằng văn bản và được UBCKNN và các cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền liên quan chấp thuận bằng văn bản.

Điều 34. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Công Ty Quản Lý Quỹ

- 34.1 Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- (a) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - (b) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
 - (c) Bị hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;
 - (d) Quỹ hết thời gian hoạt động; hoặc
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
- 34.2 Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ phải nhanh chóng tiến hành bàn giao các quyền, nghĩa vụ và thông tin, tài liệu và hồ sơ của Quỹ cho đơn vị tiếp nhận (nếu có).

34.3 Trong trường hợp có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều 34.1(a), Quỹ sẽ bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí như sau:

- (a) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng ba phần trăm (3%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc
- (b) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 35. Hạn Chế Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong quá trình quản lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chịu những hạn chế sau:

- 35.1 Công Ty Quản Lý Quỹ không được là Người Có Liên Quan của Ngân Hàng Giám Sát;
- 35.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, người hành nghề quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ không được đồng thời làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ và ngược lại;
- 35.3 Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được mua, bán Chứng Chỉ Quỹ thông qua Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Chuyên Nhượng như một Nhà Đầu Tư thông thường theo các quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;
- 35.4 Trừ trường hợp các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ quy định tại Điều 35.3 này và các giao dịch được quy định rõ trong Điều Lệ này, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công Ty Quản Lý Quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ;
- 35.5 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát, Kiểm Soát Viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch, và phải được quản lý tập trung tại Công Ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch này phải bao gồm loại chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch và tổng giá trị giao dịch và được lưu trong vòng mười lăm (15) năm và phải được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu;
- 35.6 Khi Công Ty Quản Lý Quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do bên thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản giá dịch vụ đã được nêu rõ trong Điều Lệ này;
- 35.7 Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ không được:
 - (a) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - (b) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các quỹ hoặc công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;

- (c) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - (d) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Hội Đồng Thành Viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - (e) Sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay dưới bất kỳ hình thức nào hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức hoặc cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng mà Pháp Luật cho phép hoặc giao dịch trái phiếu theo quy định của Pháp Luật;
 - (f) Sử dụng tài sản của Quỹ để góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ, đầu tư vào tổ chức kinh tế là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kinh tế là Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Thành Viên, Chủ Tịch, Giám Đốc, Phó Giám Đốc hoặc Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty Quản Lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ; hoặc
 - (g) Cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công Ty Quản Lý Quỹ;
- 35.8 Công Ty Quản Lý Quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường;
- 35.9 Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất hoặc sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu của mình, vốn của Quỹ và các quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) tổng cộng trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau và với điều kiện là cơ cấu đầu tư của Quỹ theo quy định tại Điều 10.1(a) vẫn phải được tuân thủ:
- (a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại Diện Quỹ về việc chào mua, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua; và
 - (b) Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định của Pháp Luật về chào mua công khai chứng khoán;
- 35.10 Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý Quỹ quy định tại Điều Lệ này; và
- 35.11 Các hạn chế khác theo quy định của Pháp Luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 36. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau đây và các

điều kiện khác theo quy định của Pháp Luật:

- 36.1 Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
- 36.2 Không được là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- 36.3 Có đầy đủ năng lực để cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký chứng khoán; và
- 36.4 Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 2 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 37. Quyền và Nghĩa Vụ Của Ngân Hàng Giám Sát

37.1 Ngân Hàng Giám Sát có nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:

- (a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của những Nhà Đầu Tư trong việc giám sát việc quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư và tuân thủ theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát;
- (b) Ngân Hàng Giám Sát sẽ đóng vai trò là ngân hàng giám sát và lưu ký các tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát phải tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát phải giám sát việc tính toán NAV của Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ và đảm bảo NAV được tính toán chính xác;
- (c) Ngân Hàng Giám Sát phải chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại gây ra cho Quỹ trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát không tuân thủ Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát;
- (d) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ của Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- (e) Ngân Hàng Giám Sát thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư trong các trường hợp phát sinh việc thanh toán tiền bởi Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập, hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể và các trường hợp khác theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này;
- (f) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ khác của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này; và
- (g) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.

37.2 Ngân Hàng Giám Sát có các quyền như sau:

- (a) Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá

trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết;

- (b) Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết; và
- (c) Được quyền nhận giá dịch vụ cho việc cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký phù hợp với Hợp Đồng Giám Sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ (thay mặt cho Quỹ) và Ngân Hàng Giám Sát, quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.

37.3 Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo yêu cầu hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 38. Hoạt Động Giám Sát Của Ngân Hàng Giám Sát

38.1 Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát theo Hợp Đồng Giám Sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:

- (a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ đảm bảo tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ này;
- (b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại VSD; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ (dựa trên danh sách Người Có Liên Quan mà Công ty Quản Lý Quỹ cung cấp). Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ này, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều Lệ này;
- (c) Đảm bảo rằng trong trường hợp tài sản có đăng ký sở hữu thì phải được đăng ký, ghi nhận dưới tên của Quỹ, trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận dưới tên của Ngân Hàng Giám Sát hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật có liên quan. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ phải được lưu ký đầy đủ tại Ngân Hàng Giám Sát, trừ trường hợp chứng khoán đã đăng ký và lưu ký tập trung. Đối với chứng khoán phát hành dưới hình thức ghi sổ, hoặc việc chuyển quyền sở hữu cho Quỹ chưa hoàn tất, hợp đồng mua bán gốc và giao dịch thanh toán mua phải được lưu ký tại Ngân Hàng Giám Sát;
- (d) Trường hợp tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho Quỹ trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Ban Đại Diện Quỹ;

- (e) Trường hợp là loại tài sản không có đăng ký sở hữu, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của Quỹ, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định hiện hành;
 - (f) Trường hợp là tiền gửi ngân hàng, Ngân Hàng Giám Sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ;
 - (g) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - (h) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này;
 - (i) Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm gửi tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản, và Ngân Hàng Giám Sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản Lý Quỹ, chuyển khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công Ty Quản Lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngân Hàng Giám Sát không phải chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được gửi tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó; và
 - (j) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
- 38.2 Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
- 38.3 Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
- 38.4 Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật.
- 38.5 Ngân Hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Điều 38.4 ở trên. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp Luật đối với mọi thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và Nhà Đầu Tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại Diện Quỹ và UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
- 38.6 Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp

thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 39. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Quỹ Của Ngân Hàng Giám Sát

- 39.1 Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- (a) Ngân Hàng Giám Sát giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
 - (b) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
 - (c) Quỹ bị giải thể;
 - (d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ; hoặc
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và theo Hợp Đồng Giám Sát.
- 39.2 Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám sát phải có thông báo trước ít nhất 6 (sáu) tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quỹ lựa chọn được thực hiện hoàn thành.
- 39.3 Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 40. Các Hoạt Động Được Ủy Quyền

- 40.1 Công Ty Quản Lý Quỹ được thuê tổ chức cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong Điều Lệ này và quy định liên quan của Pháp Luật.
- 40.2 Các hoạt động được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ bao gồm:
- (a) Hoạt động đại lý chuyển nhượng;
 - (b) Hoạt động quản trị quỹ đầu tư; và
 - (c) Các hoạt động khác (khi phát sinh).
- 40.3 Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại Điều 40.2 sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các bên cung cấp dịch

vụ liên quan. Tuy nhiên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện các dịch vụ này theo quy định tại Điều 43 của Điều Lệ này.

Điều 41. Tiêu Chí Lựa Chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan

Tổ chức cung cấp dịch vụ cần đáp ứng các điều kiện sau:

- 41.1 Là một trong những tổ chức lớn có kinh nghiệm và uy tín, đồng thời phải có năng lực tài chính mạnh và ổn định;
- 41.2 Có đội ngũ nhân lực trong nước có chuyên môn giỏi và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp;
- 41.3 Có hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống dự phòng đầy đủ và đáng tin cậy đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định;
- 41.4 Am hiểu về Pháp Luật có liên quan tại Việt Nam và quốc tế;
- 41.5 Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi và mở rộng của Quỹ; và
- 41.6 Nhà cung cấp dịch vụ phải có hệ thống hoạt động bao gồm hệ thống quy trình chuyên nghiệp, hệ thống báo cáo và hệ thống xét duyệt báo cáo.

Điều 42. Trách Nhiệm Của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan

42.1 Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ:

- (a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định Pháp Luật và Điều Lệ này; và
- (b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền phải ghi rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên.

42.2 Bên nhận ủy quyền phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- (a) Có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên nghiệp, được cấp phép hoặc đăng ký hoạt động nhận ủy quyền theo các quy định của Pháp Luật liên quan. Đối với hoạt động ủy quyền cho bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại;
- (b) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
- (c) Đối với các hoạt động ủy quyền liên quan đến các hoạt động nêu tại các Điều 40.2(a) và (b) của Điều Lệ này, toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền và phải được lưu trữ tại Việt Nam. Hoạt động đại lý chuyển nhượng của Quỹ chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện tại Việt Nam;
- (d) Phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới khách hàng và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ; và
- (e) Có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối

với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

Điều 43. Trách Nhiệm Của Công Ty Quản Lý Quỹ Đối Với Hoạt Động Đã Ủy Quyền

- 43.1 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.
- 43.2 Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị, cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn.
- 43.3 Công Ty Quản Lý Quỹ phải định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ, bằng chi phí của mình, được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định Điều 43.3 này.
- 43.4 Công Ty Quản Lý Quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
- 43.5 Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình, hệ thống, bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
- 43.6 Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh trong phạm vi ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.
- 43.7 Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền để bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
- 43.8 Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 44. Chấm Dứt Hoạt Động Ủy Quyền

- 44.1 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- (a) Hợp đồng ủy quyền bị thanh lý hay hết hạn;
 - (b) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
 - (c) Khi tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn quy định tại Điều 41 hoặc Điều 42.2;
 - (d) Theo quyết định của Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc

(e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

- 44.2 Trong trường hợp quy định tại Điều 43 bên trên, quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ sẽ được chuyển giao cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ khác được Công Ty Quản Lý Quỹ thuê.

CHƯƠNG 9. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 45. Điều Kiện Lựa Chọn Thành Viên Lập Quỹ

- 45.1 Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng thành viên lập quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 45.2 Trong thời hạn 12 tháng gần nhất trước thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ cho UBCKNN, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%). Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
- 45.3 Luôn đảm bảo được số lượng Lô Chứng Chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành Viên Lập Quỹ theo quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ đã ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 45.4 Đáp ứng các điều kiện khác quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ.

Điều 46. Quyền Và Trách Nhiệm Của Thành Viên Lập Quỹ

46.1 Quyền của Thành Viên Lập Quỹ:

- (a) Được áp dụng mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại cho thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ.
- (b) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà Đầu Tư trong hoạt động Hoán Đổi Danh Mục theo quy định của Pháp Luật hiện hành.
- (c) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, theo cơ chế hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại.
- (d) Được vay Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ; hoặc vay các Lô Chứng Chỉ Quỹ để hoán đổi lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Hoạt động vay các Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của VSD.
- (e) Được thực hiện các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ/Chứng Khoán Cơ Cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm thanh toán giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 229/2012/TT-BTC (có thể được sửa đổi hoặc điều chỉnh tùy từng thời điểm).

46.2 Trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ

- (a) Nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi (trực tiếp từ Nhà Đầu Tư hoặc gián tiếp thông qua Đại Lý Phân Phối) và chuyển Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ và VSD một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đúng quy trình giao dịch hoán đổi được quy định tại Bản Cáo Bạch.

- (b) Không được tổng hợp, bù trừ Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của các Nhà Đầu Tư. Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của chính Thành Viên Lập Quỹ. Trong giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trên HOSE, Thành Viên Lập Quỹ phải thực hiện Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư trước Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của chính Thành Viên Lập Quỹ. Trong giao dịch hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính Thành Viên Lập Quỹ để hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư.
- (c) Bảo đảm Nhà Đầu Tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch Hoán Đổi Danh Mục theo quy định của Pháp Luật.
- (d) Quản lý tách biệt tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản của từng Nhà Đầu Tư, độc lập với tài sản của Thành Viên Lập Quỹ. Không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của Pháp Luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.
- (e) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về Chứng Chỉ Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- (f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư, người được hưởng lợi của Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật về chứng khoán, phòng chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, HOSE, VSD, Ngân Hàng Giám Sát và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này.
- (g) Vào bất kỳ thời điểm nào và vì bất kỳ lý do nào, Thành Viên Lập Quỹ không được chuyển giao danh sách Nhà Đầu Tư đã đăng ký giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp báo cáo theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chuyển giao theo yêu cầu của tổ chức kiểm toán hoặc luật sư của Công Ty Quản Lý Quỹ khi có yêu cầu.
- (h) Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ đồng thời là Đại Lý Phân Phối, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của đại lý phân phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành.
- (i) Thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ của thành viên lập quỹ theo đúng các quy trình có liên quan của VSD theo hợp đồng cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và VSD.
- (j) Thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ của thành viên lập quỹ theo đúng các quy trình có liên quan của HOSE.
- (k) Thực hiện các hoạt động của Thành Viên Lập Quỹ theo cách thức chuyên nghiệp và có trách nhiệm cao, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ với HOSE, VSD và Ngân Hàng Giám Sát để giải quyết kịp thời các vướng mắc trong giao dịch nếu có.

- (l) Thông báo và cập nhật cho Công Ty Quản Lý Quỹ và VSD về các mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật, hoặc Thành Viên Lập Quỹ chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định trong Bản Cáo Bạch của Quỹ.
- (m) Thực hiện các hoạt động liên quan đến việc giới thiệu, marketing cho Quỹ, bao gồm cung cấp các thông tin liên quan của Thành Viên Lập Quỹ để Công Ty Quản Lý Quỹ ghi vào Bản Cáo Bạch của Quỹ.
- (n) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ tổ chức các cuộc hội thảo, thuyết trình nhằm giới thiệu sản phẩm quỹ ETF đến Nhà Đầu Tư theo cách thức và phương tiện phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán.
- (o) Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ đồng thời là Đại Lý Phân Phối, thực hiện việc phân phối Chứng Chỉ Quỹ trong các kỳ giao dịch sau khi Quỹ được cấp giấy phép thành lập phù hợp với quy định Pháp Luật liên quan áp dụng đối với đại lý phân phối và hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở.
- (p) Cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo theo yêu cầu hoặc quy định của Công Ty Quản Lý Quỹ nhằm thống kê và bảo đảm tính công bằng, công khai cho việc giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- (q) Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động chăm sóc Nhà Đầu Tư theo cách thức chuyên nghiệp và phù hợp để duy trì và không ngừng phát triển thêm Nhà Đầu Tư mới, gia tăng số lượng Chứng Chỉ Quỹ phát hành/lưu hành.
- (r) Có trách nhiệm đăng tải các tài liệu trên website của Thành Viên Lập Quỹ trong vòng bốn (4) giờ làm việc sau khi được cung cấp bởi Công Ty Quản Lý Quỹ.
- (s) Cung cấp và cập nhật liên tục thông tin về giao dịch thứ cấp Chứng Chỉ Quỹ tại HOSE và các thông tin liên quan (bao gồm NAV, iNAV, Chỉ Số Tham Chiếu) trên website của Thành Viên Lập Quỹ.
- (t) Cung cấp Báo cáo soát xét toàn diện về doanh nghiệp (Due Diligence) và các bản cập nhật của Thành Viên Lập Quỹ theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- (u) Thực hiện các hoạt động khác theo thỏa thuận với Công Ty Quản Lý Quỹ và theo quy định của Pháp Luật vào từng thời điểm.

Điều 47. Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường

- 47.1 Là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm gửi UBCKNN hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường.
- 47.2 Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán Chứng Chỉ Quỹ, có trách nhiệm mua, bán Chứng Chỉ Quỹ theo mức giá yết tại các ngày giao dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy định Pháp Luật hiện hành và quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do các Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và ban hành.

CHƯƠNG 10. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 48. Điều Kiện Lựa Chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

48.1 Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối:

- (a) Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ;
- (b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một (01) địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng quy định Pháp Luật về yêu cầu của địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ; và
- (c) Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ, lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Chứng Chỉ Quỹ theo thông lệ quốc tế.

48.2 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại Lý Phân Phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của Đại Lý Phân Phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại Lý Phân Phối phù hợp với quy định của Pháp Luật và các điều khoản tại hợp đồng đại lý phân phối.

48.3 Trường hợp Đại Lý Phân Phối chấm dứt hoạt động, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà Đầu Tư về các đại lý phân phối thay thế. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động, Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Nhà Đầu Tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

Điều 49. Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối

49.1 Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

- (a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp Luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
- (b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Thành Viên Lập Quỹ và VSD một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của Pháp Luật. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán; đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;
- (c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư, xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định Pháp Luật;
- (d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà

Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về Chứng Chỉ Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;

- (e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư; và
- (f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 50. Quy Định Chung Về Nghiệp Vụ Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

- 50.1 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức liên quan phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.
- 50.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- 50.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 50.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ hoán đổi danh mục khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ hoặc Quỹ không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.
- 50.5 Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- 50.6 Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức phí

đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng đại lý phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

- 50.7 Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
- 50.8 Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG 11. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 51. Tiêu Chuẩn Lựa Chọn Và Thay Đổi Công Ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để Ban Đại Diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 51.1 Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;
- 51.2 Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm; và
- 51.3 Có uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 52. Năm Tài Chính

- 52.1 Năm tài chính của Quỹ là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
- 52.2 Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 53. Chế Độ Kế Toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định của Pháp Luật liên quan tới công tác kế toán áp dụng đối với Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 54. Báo Cáo Tài Chính

- 54.1 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
- 54.2 Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm

toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ để các Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

Điều 55. Báo Cáo Khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG 12. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 56. Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

56.1 Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:

- (a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;
- (b) Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của Pháp Luật, quy định tại Điều Lệ của Quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

56.2 Sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt theo nguyên tắc quy định tại Điều 59 của Điều Lệ này.

56.3 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.

56.4 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận theo phương thức quy định tại Điều 58.2 của Điều Lệ này. Ngay sau khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, các giá trị tài sản ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, HOSE, Đại Lý Phân Phối và Thành Viên Lập Quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá Trị Tài Sản Ròng cho Nhà Đầu Tư được thực hiện ngay trong ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo.

56.5 Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu (iNAV) Trên Một Chứng Chỉ Quỹ trên cơ sở giá thị trường của Chứng Khoán Cơ Cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu (iNAV) Trên Một Chứng Chỉ Quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu (iNAV) Trên Một Chứng Chỉ Quỹ được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trên hệ thống của HOSE.

56.6 Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm mức sai lệch xác định theo công thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 (có thể được sửa đổi hoặc điều chỉnh tùy từng thời điểm), đã được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE. Trường hợp vượt quá các mức nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, giải thích lý do và điều chỉnh danh mục để khắc phục tình trạng đó trong các

thời hạn quy định tại Điều Lệ của Quỹ và quy định của HOSE.

- 56.7 Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ và ủy quyền cho HOSE xác định và công bố thông tin về Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu (iNAV) Trên Một Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng liên quan là phù hợp các quy định của Pháp Luật và Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác.
- 56.8 Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong sáu (06) tháng liên tục, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định.

Điều 57. Phương Pháp Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

- 57.1 Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định nội bộ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản đã được quy định chi tiết tại sổ tay định giá của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng theo quy định của pháp luật và đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.
- 57.2 Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn lấy đến hai (02) số thập phân.
- 57.3 Ngày Định Giá là ngày xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, bao gồm: (i) tất cả các Ngày Giao Dịch Hoán Đổi; và (ii) những ngày mà Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) theo quy định của Pháp Luật hoặc các mục đích khác do Công Ty Quản Lý Quỹ xác định. Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định Giá là Ngày Làm Việc kế tiếp liền ngay sau đó.
- 57.4 Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được nêu trong Phụ Lục 4 và được quy định chi tiết trong sổ tay định giá do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với Điều Lệ này và các quy định có liên quan và đồng thời được Ban Đại Diện Quỹ thông qua và được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Điều 58. Quy Trình Định Giá Tài Sản Quỹ

Quy trình định giá tài sản Quỹ như sau:

- 58.1 Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng là phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác.
- 58.2 Ngân Hàng Giám Sát xác nhận Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng

Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi lỗi được phát hiện.

Điều 59. Nguyên Tắc, Tiêu Chí Lựa Chọn, Thay Đổi Tổ Chức Cung Cấp Báo Giá

- 59.1 Danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, phải được Ban Đại Diện Quỹ thông qua.
- 59.2 Việc lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất để Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

CHƯƠNG 13. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 60. Thu Nhập Của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

- (a) Cổ tức;
- (b) Lãi trái phiếu;
- (c) Lãi tiền gửi;
- (d) Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
- (e) Các khoản thu nhập khác (nếu có) phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

Điều 61. Lợi Nhuận Của Quỹ

- 61.1 Công Ty Quản Lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo chính sách phân phối lợi nhuận đã được công bố tại Bản Cáo Bạch. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch phân chia lợi nhuận phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 61.2 Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Chứng Chỉ Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ này).
- 61.3 Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.
- 61.4 Nguồn để phân phối lợi tức của Quỹ phải thỏa mãn các điều kiện sau:
- (a) Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động của Quỹ;
 - (b) Nguồn chia phải từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động;
 - (c) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm);

- (d) Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm Giá Trị Tài Sản Ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; và
 - (e) Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng Chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- 61.5 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
- (a) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ);
 - (b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - (c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng Chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng Chỉ Quỹ);
 - (d) Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; và
 - (e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.
- 61.6 Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ hoặc phân chia tài sản của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung sau đó.
- 61.7 Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số Chứng Chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu Tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.
- 61.8 Vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại Hội Nhà Đầu Tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.
- 61.9 Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm chi trả ngay lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đã đăng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ theo chỉ thị của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 62. Chi Phí Hoạt Động Của Quỹ

62.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ:

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính bằng không phẩy sáu mươi bảy phần trăm (0,67%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại Ngày Định Giá liên quan và được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ thu hàng tháng là tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ của kỳ định giá = 0,67% x NAV tại ngày Ngày Định Giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

62.2 Chi phí thường hoạt động: Quỹ không áp dụng chính sách thưởng hoạt động.

62.3 Giá dịch vụ giám sát, lưu ký, quản trị quỹ được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và ngân hàng lưu

ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký và quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng, cụ thể như sau:

- (a) Giá dịch vụ ngân hàng giám sát là không phẩy không hai phần trăm (0,02%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là năm triệu (5.000.000) đồng một (01) tháng;
- (b) Giá dịch vụ lưu ký là không phẩy không sáu phần trăm (0,06%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là hai mươi triệu (20.000.000) đồng một (01) tháng;
- (c) Giá dịch vụ quản trị quỹ là không phẩy không ba phần trăm (0,03%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là mười lăm triệu (15.000.000) đồng một (01) tháng; và
- (d) Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các chi phí ngoài thông thường, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí thanh toán cho VSD, chi phí pháp lý và chi phí tem thư.

62.4 Giá dịch vụ giao dịch thanh toán theo thực tế phát sinh:

- (a) Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là một trăm năm mươi nghìn (150.000) đồng/ một (01) giao dịch mua/ bán chứng khoán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; và
- (b) Giá dịch vụ giao dịch khác, bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ khác liên quan tới giao dịch tài sản của Quỹ.

62.5 Giá dịch vụ trả cho tổ chức ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

62.6 Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ tính toán iNAV phải đảm bảo không vượt quá 2%/năm tính trên tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

62.7 Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu là không phẩy không hai phần trăm (0,02%) một năm tính trên tổng Giá Trị Tài Sản Ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) đồng một (01) năm. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi 6 (sáu) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

62.8 Giá dịch vụ tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu (iNAV) Trên Một Chứng Chỉ Quỹ là không phẩy không hai phần trăm (0,02%) một năm tính trên tổng Giá Trị Tài Sản Ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) đồng một (01) năm. Giá dịch vụ tính toán iNAV được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi 6 (sáu) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

62.9 Giá dịch vụ kiểm toán trả cho công ty kiểm toán.

62.10 Giá dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ.

62.11 Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của

Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ.

- 62.12 Trong quá trình giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Nhà Đầu Tư có thể phải thanh toán các loại giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại hoặc giá dịch vụ chuyển nhượng tương ứng với các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư thực hiện. Giá dịch vụ này do Công Ty Quản Lý Quỹ công bố vào từng thời điểm và Nhà Đầu Tư thanh toán trực tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ mà không bao gồm trong chi phí hoạt động của Quỹ.
- 62.13 Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm.

CHƯƠNG 14. GIẢI THỂ QUỸ

Điều 63. Các Điều Kiện Giải Thể Quỹ

63.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- (a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- (b) Công Ty Quản Lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- (c) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, bị phá sản, đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát hoặc bị Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- (d) Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn;
- (e) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- (f) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ Đồng Việt Nam liên tục trong sáu (06) tháng;
- (g) Quỹ hủy niêm yết;
- (h) Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền đề xuất và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận giải thể Quỹ trong trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn năm mươi (50) tỷ Đồng Việt Nam; hoặc
- (i) Công Ty Quản Lý Quỹ yêu cầu thanh lý hợp đồng và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận khi Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn năm mươi (50) tỷ Đồng Việt Nam mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện.

63.2 Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp Luật, bao gồm:

- (a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (f), (g), (h) và (i) của Điều 63.1, hoặc ba (03) tháng trước ngày tiến hành giải thể Quỹ theo quy định tại điểm (e) của Điều 63.1, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ (trong trường hợp không có Công Ty Quản Lý Quỹ) triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư để thông qua phương án giải thể Quỹ.
- (b) Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của Quỹ cho Nhà Đầu Tư; hoặc duy trì hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
- (c) Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản Quỹ và phân chia tài sản Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Trường hợp Quỹ giải thể theo quy định tại điểm (a) của Điều 63.1 thì Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm thanh lý, phân chia tài sản Quỹ.
- (d) Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác, kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát không được:
 - (i) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
 - (ii) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
 - (iii) Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
 - (iv) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia; hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
 - (v) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
- (e) Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:
 - (i) Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - (ii) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - (iii) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
- (f) Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư tại Quỹ theo quy định tại điểm (iii) khoản (h) dưới đây.

(g) Trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng Chứng Chỉ Quỹ quá nhỏ theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán, hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho Quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.

(h) Tài sản từ việc thanh lý Quỹ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

(i) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;

(ii) Các khoản phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể Quỹ. Trong trường hợp Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm (a) hoặc điểm (b) của Điều 63.1, Quỹ không phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát các khoản phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

(iii) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà Đầu Tư trong Quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm yêu cầu VSD, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành thực hiện việc chuyển khoản, đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà Đầu Tư.

(i) Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ, được thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định theo quy định tại khoản (b) của Điều 63.2 này hoặc Ban Đại Diện Quỹ thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

63.3 Trình tự, thủ tục giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp Luật, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ (trong trường hợp không có Công Ty Quản Lý Quỹ) phải thông báo việc giải thể Quỹ cho UBCKNN.

(b) Sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày gửi thông báo, nếu UBCKNN không có ý kiến về việc giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm công bố bản thông báo về việc giải thể Quỹ theo quy định về công bố thông tin. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành thực hiện trình tự, thủ tục hủy niêm yết tự nguyện, hủy đăng ký Chứng Chỉ Quỹ theo hướng dẫn của HOSE và VSD.

(c) Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của Quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua, nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể Quỹ.

(d) Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu không có Công Ty Quản Lý Quỹ) có trách nhiệm công bố thông tin về việc hoàn tất thanh lý, phân phối và giải thể Quỹ, đồng thời thông báo cho UBCKNN kết quả giải thể quỹ theo quy định của Pháp Luật.

(e) Trường hợp thông báo kết quả giải thể không chính xác, có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, những tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước

pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

CHƯƠNG 15. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 64. Kiểm Soát Xung Đột Lợi Ích

- 64.1 Công Ty Quản Lý Quỹ phải kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ:
- (a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ với các quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - (b) Tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý và của nhà đầu tư ủy thác; và
 - (c) Tuân thủ các quy định khác tại Điều Lệ này và Pháp Luật.
- 64.2 Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 64.3 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Thành Viên, Chủ Tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát, Kiểm Soát Viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và Pháp Luật hiện hành;

CHƯƠNG 16. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 65. Công Bố Thông Tin, Cung Cấp Thông Tin Cho Nhà Đầu Tư

- 65.1 Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 65.2 Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ khi được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
- 65.3 Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho Nhà Đầu Tư sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà Đầu Tư đăng ký. Nhà Đầu Tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Công Ty Quản Lý Quỹ biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.
- 65.4 Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư một (01) tuần sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã được gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do Nhà Đầu Tư đăng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 65.5 Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.
- 65.6 Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 66. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

Điều Lệ Quỹ chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự phê duyệt của Đại Hội Nhà Đầu Tư, ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều Lệ của Quỹ không phải xin ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư như:

- 66.1 Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định Pháp Luật, kể cả những thay đổi được chấp thuận bởi UBCKNN; hoặc
- 66.2 Lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều Lệ của Quỹ.

Điều 67. Đăng Ký Điều Lệ

- 67.1 Điều lệ Quỹ này bao gồm 16 Chương, 68 Điều và 04 Phụ Lục được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 7 năm 2020.
- 67.2 Các bản trích hay sao y của Điều Lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ mới có giá trị.
- 67.3 Điều Lệ này được lập thành bảy (07) bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt:
 - (a) Hai (02) bản đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo quy định của Pháp Luật;
 - (b) Bốn (04) bản lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ; và
 - (c) Một (01) bản lưu tại văn phòng của Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 68. Điều Khoản Thi Hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của Pháp Luật.

Các Phụ lục Đính Kèm

Phụ lục số 1: Cam Kết của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Phụ lục số 2: Cam Kết của Ngân Hàng Giám Sát.

Phụ lục số 3: Cam Kết Chung của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Phụ lục số 4: Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



BROOK COLIN TAYLOR

PHỤ LỤC SỐ 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930

Fax: (84 - 28) 3821 9931

(sau đây gọi là “**Công Ty Quản Lý Quỹ**”)

cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ETF VinaCapital VN100 (sau đây gọi là “**Quỹ**”):

1. tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ;
2. thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của các Nhà Đầu Tư;
3. đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm;
4. trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;
5. định kỳ cung cấp Cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà các Nhà Đầu Tư đang nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ; và
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ Quỹ và của Pháp Luật.
6. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu;
7. không được đầu tư vào các chứng khoán hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp Pháp Luật cho phép;
8. không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư;
9. thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu;
11. cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ

cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu;

12. đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi của các Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của Pháp Luật và không gây hiểu nhầm cho các Nhà Đầu Tư;
13. cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
14. báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất; và
15. thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



BROOK COLIN TAYLOR

PHỤ LỤC SỐ 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 106/QĐ-UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 38218812

Fax: (84 – 28) 39144714

(sau đây gọi là “*Ngân Hàng Giám Sát*”)

cam kết:

1. tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp Luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát;
2. đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm;
3. thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ;
4. thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
5. tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát;
6. giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của Pháp Luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;
7. đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan làm tổn hại đến lợi ích của Nhà Đầu Tư;
8. thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ;
9. đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

 **GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Thị Kim

PHỤ LỤC SỐ 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930 Fax: (84 - 28) 3821 9931

(sau đây gọi là “Công Ty Quản Lý Quỹ”)

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 106/QĐ-UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 38218812 Fax: (84 – 28) 39144714

(sau đây gọi là “Ngân Hàng Giám Sát”)

Cùng cam kết:

1. thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho Nhà Đầu Tư;
2. tuân thủ các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư tại Đại Hội Đồng Cổ Đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội Đồng Thành Viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn; và
4. không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
VINACAPITAL**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM ĐẠI
DIỆN PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BROOK COLIN TAYLOR

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Thị Kim**

PHỤ LỤC SỐ 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Phương Pháp Định Giá Tài Sản

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và tuân thủ quy định của Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát chấp thuận. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ đồng ý.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thành lập hội đồng định giá để xác định giá hợp lý trong những trường hợp sổ tay định giá không quy định hoặc không xác định rõ ràng.

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với các chi tiết như sau (bên cạnh các chi tiết khác):

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
Tiền Và Công Cụ Thị Trường Tiền Tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (ii): (i) Được xác định theo giá thị trường, là giá yết trên hệ thống giao dịch của sở giao dịch chứng khoán; (ii) Trong trường hợp không có giá thị trường, thì giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lợi suất nội suy tuyến tính từ lãi suất trúng thầu gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận và thời gian nắm giữ công cụ đó.
Trái Phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	Được xác định theo giá yết cuối ngày của giao dịch thông thường trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá trái phiếu

		là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây, được thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc (ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Cổ Phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên HOSE hoặc HNX	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán liên quan) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây, được thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Giá mua; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
8	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán liên quan) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây, được thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Giá mua; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: (i) Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc

		(ii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Sử dụng một trong các phương pháp sau để xác định giá, theo thứ tự ưu tiên từ (i) đến (iii): (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Mệnh giá; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng Khoán Phái Sinh		
11	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá.
12	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên trước ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các Tài Sản Khác		
13	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Ghi chú:

- (i) Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới.
- (ii) Hướng dẫn chi tiết các phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp nội suy tuyến tính được quy định tại sổ tay định giá.
- (iii) Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá.
- (iv) Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- (v) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VBMA) để tham khảo.

2. Giá Trị Cam Kết Từ Các Hợp Đồng Phái Sinh

- (a) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi thành tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị

thế.

(b) Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng các nguyên tắc xác định giá trị như sau:

- (i) Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở. Ví dụ: vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- (ii) Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán. Ví dụ: vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

(iii) Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại Tài Sản	Giá Trị Cam Kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng $\times$ Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng $\times$ giá thị trường hiện tại của cổ phiếu $\times$ hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng $\times$ mệnh giá $\times$ giá thị trường hiện tại của trái phiếu $\times$ hệ số delta.
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng $\times$ giá trị tính trên một điểm chỉ số $\times$ mức chỉ số hiện tại.
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng $\times$ giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) $\times$ giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao.
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- (i) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).
- (ii) Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
- (iii) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

